

Toán**SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHẦN****I. MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức:** Biết so sánh hai số thập phân .
2. **Kỹ năng:** - Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.
- HS cả lớp làm được bài 1, 2.
3. **Thái độ :** Có ý thức cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài.
4. **Năng lực:**
 - Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
 - Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng**

- GV: SGK, Bảng phụ
- HS : SGK, bảng con...

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thực hành, trò chơi...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kỹ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS chơi trò chơi:"Truyền điện". Một bạn đọc một số TP bất kì sau đó truyền cho bạn bên cạnh, bạn đó phải đọc ngay một số TP bằng với số thập phân vừa rồi, cứ tiếp tục như vậy từ bạn này đến bạn khác, bạn nào không nêu được thì thua cuộc. - GV nhận xét, tuyên dương HS - Giới thiệu bài - ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)	
<p><i>*Mục tiêu:</i> - Biết so sánh hai số thập phân . - Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.</p> <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p><i>* Hướng dẫn cách so sánh 2STP có phần nguyên khác nhau</i></p> <p>Ví dụ 1: So sánh 8,1m và 7,9m</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS trình bày cách so sánh? - GV nhận xét cách so sánh của HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm, nêu cách so sánh 8,1m = 81dm ; 7,9m = 79dm

<p>- Hướng dẫn HS so sánh như SGK: $8,1 = 81\text{dm}; 7,9\text{m} = 79\text{dm}$ Ta có $81\text{dm} > 79\text{dm}$ tức là $8,1 > 7,9$</p> <p>- Biết $8,1\text{m} > 7,9\text{m}$, so sánh $8,1$ và $7,9$?</p> <p>- Hãy so sánh phần nguyên của $8,1$ và $7,9$</p> <p>- Dựa vào VD1: Hãy nêu cách so sánh</p> <p>- GV nêu lại kết luận (SGK) - Yêu cầu HS nhắc lại. <i>*Hướng dẫn so sánh 2 STP có phần nguyên bằng nhau</i></p> <p>- Ví dụ 2: So sánh $35,7\text{m}$ và $3,698\text{m}$</p> <p>- Nếu sử dụng kết luận trên có thể so sánh được 2 STP này không? Vì sao?</p> <p>- Vậy để so sánh được ta là như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét ý kiến của HS yêu cầu HS so sánh phân thập phân của 2 số đó.</p> <p>- Gọi HS trình bày cách so sánh. - GV giới thiệu cách so sánh như SGK: + Phân thập phân của $35,7\text{m}$ là $\frac{7}{10}\text{m} = 7\text{dm} = 700\text{mm}$ + Phân thập phân của $35,698\text{m}$ là $\frac{698}{1000}\text{m} = 698\text{mm}$ Mà $700\text{mm} > 698\text{mm}$ nên $\frac{7}{10}\text{m} > \frac{698}{1000}\text{m}$ Do đó $35,7\text{m} > 35,698\text{m}$ Từ kết quả trên hãy so sánh: $35,7 \dots 35,698$</p> <p>- Hãy so sánh hàng phần mười của $35,7$ và $35,698$</p> <p>- Em hãy nêu cách so sánh ở trường hợp này?</p> <p>- GV tóm tắt, kết luận. <i>*Ghi nhớ:</i> - Yêu cầu HS đọc.</p>	<p>Vì $81\text{dm} > 79\text{dm} \Rightarrow 8,1\text{m} > 7,9\text{m}$</p> <p>- $8,1 > 7,9$ - Phần nguyên $8 > 7$</p> <p>- Khi so sánh 2 STP ta có thể so sánh phần nguyên với nhau. Số nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn và ngược lại. - HS nghe - 2-3 HS nêu</p> <p>- Không vì phần nguyên của 2 số đó bằng nhau - HS thảo luận nêu: + Đổi ra đơn vị khác để so sánh. + So sánh 2 phần thập phân với nhau.</p> <p>- 1 số HS nêu lớp theo dõi và nhận xét</p> <p>$35,7 > 35,698$ Hàng phần mười $7 > 6$</p> <p>- 1 HS đọc kết luận SGK - Học sinh đọc. - Học sinh đọc phần ghi nhớ SGK</p>
---	---

<p>3. Hoạt động thực hành:(17 phút) *Mục tiêu: - HS cả lớp làm được bài 1, 2. - HS (M3,4) làm thêm bài tập 3. *Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: HD cá nhân -Cho HS đọc yêu cầu - Nêu yêu cầu của bài toán - Yêu cầu HS tự làm - GV nhận xét chữa bài, yêu cầu HS nêu cách so sánh</p> <p>Bài 2: HD cá nhân - Nêu yêu cầu của bài toán - Để xếp được ta cần làm gì ? - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét chữa bài. Yêu cầu HS nêu cách làm.</p> <p>Bài 3:(M3,4) - Cho HS tự làm bài vào vở - Hướng dẫn HS còn gặp khó khăn</p>	<p>- 1 HS đọc đề, lớp đọc thầm. - So sánh 2 STP - HS làm vở , báo cáo kết quả a) $48,97 < 51,02$ vì phần nguyên $48 < 51$ b) $96,4 > 96,39$ vì hàng phần mười $4 > 3$ c) $0,7 > 0,65$ vì hàng phần mười $7 > 6$</p> <p>- Xếp thứ tự từ bé đến lớn - Cần so sánh các số này - HS làm vở, chia sẻ kết quả + So sánh phần nguyên $6 < 7 < 8 < 9$ + Có 2 số có phần nguyên bằng nhau so sánh phần mười $3 < 7$ + xếp $6,375 < 6,735 < 7,19 < 9,01$</p> <p>- HS làm bài: 0,4; 0,321; 0,32; 0,197; 0,187.</p>
<p>4. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)</p>	
<p>- GV cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm $69,99 \dots 70,01$ $0,4 \dots 0,36$ $95,7 \dots 95,68$ $81,01 \dots 81,010$</p>	<p>- HS nghe và thực hiện $69,99 < 70,01$ $0,4 > 0,36$ $95,7 > 95,68$ $81,01 = 81,010$</p>

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Luyện từ và câu
MỞ RỘNG VỐN TỪ: THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Hiểu nghĩa từ thiên nhiên (BT1); nắm được một số từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng thiên nhiên trong một số thành ngữ, tục ngữ (BT2).

2. Kỹ năng : -Tìm được từ ngữ tả không gian, tả sông nước và đặt câu với một từ ngữ tìm được ở mỗi ý a,b,c của BT3,BT4.

- HS (M3,4) hiểu ý nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ ở BT2; có vốn từ phong phú và biết đặt câu với từ tìm được ở ý d của BT3.

3. Thái độ: Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống.

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Tranh ảnh về các hiện tượng thiên nhiên
- HS : SGK, vở viết

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi...
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kĩ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho 2 đội HS chơi trò chơi "Nói nhanh, nói đúng" nêu các từ nhiều nghĩa. Đội nào kể được nhiều và đúng thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 đội chơi - HS nghe - HS ghi vở
<p>2. Hoạt động thực hành: (30 phút)</p> <p>* <i>Mục tiêu:</i> - Hiểu nghĩa từ thiên nhiên (BT1); nắm được một số từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng thiên nhiên trong một số thành ngữ, tục ngữ (BT2).</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm được từ ngữ tả không gian, tả sông nước và đặt câu với một từ ngữ tìm được ở mỗi ý a,b,c của BT3,BT4. - HS (M3,4) hiểu ý nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ ở BT2; có vốn từ phong phú và biết đặt câu với từ tìm được ở ý d của BT3. <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: HĐ cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài - GV nhận xét và KL bài đúng <p>Bài 2: HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm - Gọi HS lên làm - GV nhận xét kết luận bài đúng <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc thuộc lòng những câu thành ngữ, tục ngữ. <p>Bài 3: HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - HS đọc câu mẫu - HS thảo luận nhóm 4 - GV nhận xét kết luận và ghi nhanh 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - HS tự làm bài, chia sẻ + Chọn ý b: <i>tất cả những gì không do con người tạo ra.</i> - HS đọc yêu cầu - HS thảo luận nhóm do nhóm trưởng điều khiển, sau đó báo cáo kết quả + <i>Lên thác xuống ghềnh</i> + <i>Góp gió thành bão</i> + <i>Qua sông phải lụy đờ</i> + <i>Khoai đất lạ, mạ đất quen</i> - HS đọc thuộc câu thành ngữ, tục ngữ - HS đọc - HS thảo luận nhóm, báo cáo trước lớp - Lớp nhận xét bổ sung

<p>các từ HS bổ sung lên bảng</p> <p>Bài 4: Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu nội dung bài - HS thi tìm từ - GV nhận xét chữa bài. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tả chiều rộng: bao la, mênh mông, bát ngát, thênh thang, vô tận, bất tận, khôn cùng + Tả chiều dài: xa tít tắp, tít mù khơi, thăm thẳm, ngút ngát, lê thê, dài ngoẵng, + Tả chiều cao: chót vót, vời vọi, chát ngất, cao vút.. + Tả chiều sâu: hun hút, thăm thẳm, - HS đọc - HS thi + Tả tiếng sóng: ì ầm, ầm ầm, ầm ào, rì rào, ì oạp, oàm oạp, lao xao, thì thầm + Tả làn sóng nhẹ: lăn tăn, dềnh, trườn lên, bò lên, .. + Tả đợt sóng mạnh: cuồn cuộn, trào dâng, ào ạt, cuộn trào, điên cuồng, dữ dội, khủng khiếp..
<p>3. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tìm các từ tượng thanh chỉ tiếng nước chảy ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: róc rách, tí tách, ào ào,...

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Địa lí
DÂN SỐ NƯỚC TA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số của Việt Nam:

- + Việt Nam thuộc hàng các nước đông dân trên thế giới .
- + Dân số nước ta tăng nhanh.

- Biết tác động của dân số đông và tăng nhanh: gây nhiều khó khăn đối với việc đảm bảo các nhu cầu học hành, chăm sóc y tế của người dân về ăn, mặc, ở, học hành , chăm sóc y tế .

2. Kỹ năng: Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết một số đặc điểm về dân số và sự gia tăng dân số .

- HS(M3,4) :Nêu một số ví dụ cụ thể về hậu quả của sự tăng dân số ở địa phương .

3.Thái độ: Tuyên truyền về dân số, sự gia tăng dân số và hậu quả tăng dân số.

4. Năng lực:

- **Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

14 **Giáo viên:**

Trường tiểu học

- GV: + Biểu đồ gia tăng dân số Việt Nam (phóng to).
+ Sơ đồ thông tin, tranh ảnh thể hiện hậu quả của gia tăng dân số.
- HS: SGK, vở

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- PP: quan sát, thảo luận, vấn đáp, trò chơi
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi
- Kỹ thuật trình bày 1 phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS hát bài "Quê hương tươi đẹp" - Cho HS tổ chức mời 2 bạn lên bảng, yêu cầu trả lời các câu hỏi về nội dung bài cũ. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát - 2 HS lần lượt lên bảng trả lời các câu hỏi sau: + Chỉ và nêu vị trí, giới hạn của nước ta trên bản đồ. + Nêu vai trò của đất, rừng đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta. - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (30 phút)	
<p><i>* Mục tiêu:</i> - Biết sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số của Việt Nam: + Việt Nam thuộc hàng các nước đông dân trên thế giới . + Dân số nước ta tăng nhanh. - Biết tác động của dân số đông và tăng nhanh: gây nhiều khó khăn đối với việc đảm bảo các nhu cầu học hành, chăm sóc y tế của người dân về ăn, mặc, ở, học hành , chăm sóc y tế . - Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết một số đặc điểm về dân số và sự gia tăng dân số . - HS(M3,4) :Nêu một số ví dụ cụ thể về hậu quả của sự tăng dân số ở địa phương .</p> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p><i>*Hoạt động 1: Dân số, so sánh dân số Việt Nam với dân số các nước Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng số liệu số dân các nước Đông Nam Á như SGK lên bảng, yêu cầu HS đọc bảng số liệu. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xử lý các số liệu và trả lời các câu hỏi sau + Năm 2004, dân số nước ta là bao nhiêu người? + Nước ta có dân số đứng hàng thứ mấy trong các nước Đông Nam Á? - Từ kết quả nhận xét trên, em rút ra 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bảng số liệu. - HS làm việc cá nhân và ghi câu trả lời ra phiếu học tập của mình. + Năm 2004, dân số nước ta là 82,0 triệu người. + Nước ta có dân số đứng hàng thứ 3 trong các nước Đông Nam Á sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin. + Nước ta có dân số đông.

<p>đặc điểm gì về dân số Việt Nam? (Việt Nam là nước đông dân hay ít dân?)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, bổ sung <p><i>Hoạt động 2: Gia tăng dân số ở Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm như SGK lên bảng và yêu cầu HS đọc. - GV hỏi để hướng dẫn HS cách làm việc với biểu đồ: <ul style="list-style-type: none"> + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng bao nhiêu người? + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu người? + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu lần? + Em rút ra điều gì về tốc độ gia tăng dân số của nước ta? - GV gọi HS trình bày kết quả làm việc trước lớp. <p><i>Hoạt động 3: Hậu quả của dân số tăng nhanh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập có nội dung về hậu quả của sự gia tăng dân số. - GV theo dõi các nhóm làm việc, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn. - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng trình bày ý kiến về dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi và nhận xét. - HS đọc biểu đồ (tự đọc thầm). - HS làm việc cá nhân <ul style="list-style-type: none"> + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng khoảng 11,7 triệu người. + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng khoảng 11,9 triệu người + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng lên 1,5 lần. + Dân số nước ta tăng nhanh. - 1 HS trình bày nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu cần). - Mỗi nhóm có 6 - 8 HS cùng làm việc để hoàn thành phiếu. - HS nêu vấn đề khó khăn (nếu có) và nhờ GV hướng dẫn. - Lần lượt từng nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình, cả lớp cùng theo dõi, nhận xét.
<p>3. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Em hãy nêu ví dụ cụ thể về hậu quả của việc gia tăng dân số ở địa phương em ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 24 tháng 10 năm 2018

Kể chuyện

KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

2. Kỹ năng: Biết trao đổi về trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên.

- HS (M3,4) kể được câu chuyện ngoài SGK, nêu được trách nhiệm giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

*GDBVMT: Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống, giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

3. Thái độ: Biết nghe và nhận xét lời kể của bạn.

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Một số truyện nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên

- HS: Câu chuyện nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi...

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kỹ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
1. Hoạt động Khởi động (5')	
- Cho HS chơi trò chơi "Kể đúng, kể nhanh" tên một số loài cây dùng để chữa bệnh. Đội nào kể được nhiều và đúng thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi - HS nghe - HS nghe
2. Hoạt động tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học: (8') * Mục tiêu: Lựa chọn được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. * Cách tiến hành:	
- GV ghi đề bài lên bảng: Đề bài: Kể một câu chuyện em đã nghe thấy hay đã đọc nói về <u>quan hệ giữa con người với thiên nhiên</u> . - Gọi HS đọc đề - GV gạch chân những từ trọng tâm ca ngợi hòa bình, chống chiến tranh. - Cho HS tiếp nối nhau đọc gợi ý SGK	- Học sinh đọc đề. - Học sinh đọc gợi ý SGK.

<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhắc học sinh: những truyện đã nêu trong gợi ý là những truyện đã học, các em cần kể chuyện ngoài SGK - Gọi HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tiếp nối nêu tên câu chuyện sẽ kể.
<p>3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(23 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên * <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.
<p>3. Hoạt động ứng dụng (3')</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta cần phải làm gì để góp phần bảo vệ thiên nhiên ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

Toán
LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** Biết so sánh hai số thập phân.
2. **Kĩ năng:** - Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn.
 - Làm bài 1,2,3, 4a
3. **Thái độ:** Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác
4. **Năng lực:**
 - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
 - Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ

1. **Đồ dùng**
 - GV: SGK, Bảng phụ
 - HS : SGK, bảng con...
2. **Phương pháp và kĩ thuật dạy học**
 - Vấn đáp , quan sát, thực hành, trò chơi...
 - Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
 - Kĩ thuật trình bày một phút